|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  Số: /2024/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO** |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành “Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Khuyến nông**

**thành phố Hà Nội”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn nhiệm vụ các chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2002/NQ/HĐ ngày 18/01/2002 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập quỹ Khuyến nông và sửa đổi, bổ sung quy định về lập, quản lý và sử dụng Quỹ bảo trợ an ninh trật tự trên địa bàn Thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/07/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về “Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội”.*

*Căn cứ Quyết định số 26/2002/QĐ-UB ngày 27/02/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập Quỹ Khuyến nông thành phố Hà Nội và ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ;*

*Căn cứ Quyết định số 142/2007/QĐ-UBND ngày 10/12/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Khuyến nông thành phố Hà Nội;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội tại Tờ trình số............../TTr-SNN ngày ....../…../2024 và Báo cáo thẩm định số…. /STP-VBPQ ngày /……/2024 của Sở Tư pháp Hà Nội.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Khuyến nông thành phố Hà Nội”.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký; thay thế Quyết định số 142/2007/QĐ-UBND ngày 10/12/2007 của UBND thành phố Hà Nội ban hành “Quy chế về quản lý và sử dụng Quỹ Khuyến nông thành phố Hà Nội”.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tư pháp, Nội vụ; Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Hà Nội và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Bộ Nông nghiệp và PTNT; (để  - Thường trực Thành ủy; báo  - Thường trực HĐND TP; cáo)  - Chủ tịch UBND Thành phố;  - Các PCT UBND Thành phố;  - VPUB: CVP, PCVP N.M.Quân,  KT, ĐT, TKBT;  - Lưu: VT, KT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| UỶ BAN NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ HÀ NỘI | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO** |

**QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng Quỹ Khuyến nông thành phố Hà Nội**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

**————————**

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Tên gọi, trụ sở**

1. Tên gọi

a) Tên gọi tiếng Việt: Quỹ Khuyến nông thành phố Hà Nội;

b) Tên giao dịch quốc tế: Hanoi Agricultural Extension Fund

c) Tên viết tắt: HAEF.

2. Trụ sở: Quỹ Khuyến nông thành phố Hà Nội có trụ sở chính đặt tại:

Trung tâm Khuyến nông Hà Nội, số 4, ngõ 4 phố Xốm - phường Phú Lãm - quận Hà Đông - thành phố Hà Nội.

3. Điện thoại: 02433 533 168 Fax: 02433 530 846

4. Website: http:// khuyennonghanoi.gov.vn

**Điều 2. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân**

1. Quỹ Khuyến nông thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập. Quỹ chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quản lý nhà nước theo lĩnh vực của các Sở, ngành liên quan của Thành phố.

2. Quỹ có tài khoản riêng mở tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội và Ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Quỹ được sử dụng con dấu của Trung tâm Khuyến nông Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trung tâm) để giao dịch và sử dụng bộ máy kế toán của Trung tâm để quản lý tài chính Quỹ.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là: Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Hà Nội kiêm Giám đốc Quỹ.

**Điều 3. Nguyên tắc và mục tiêu hoạt động**

1. Nguyên tắc hoạt động:

a) Quỹ cho vay theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, không vì mục đích lợi nhuận; cho vay đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, đúng quy định của Quy chế này và tuân thủ chế độ quản lý tài chính hiện hành của nhà nước; hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, tự đảm bảo chi phí quản lý.

b) Vốn của Quỹ do ngân sách Thành phố cấp và được bổ sung từ tỷ lệ (%) trích từ khoản thu phí quản lý Quỹ, các khoản viện trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động:

Quỹ tiếp nhận nguồn vốn từ ngân sách Thành phố và các nguồn vốn tài trợ hợp pháp khác nhằm mục đích cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản; cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản và ngành nghề nông thôn vay vốn để đầu tư mở rộng sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, hình thành các vùng sản xuất hàng hoá chất lượng cao, phục vụ mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Hà Nội.

**Chương II**

**NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

**Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ**

1. Tiếp nhận nguồn vốn do ngân sách Thành phố cấp và nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

2. Tổ chức, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và thực hiện quy trình, thủ tục cho vay tuân thủ các nguyên tắc tài chính, đảm bảo khả năng thu hồi vốn, phí;

3. Quản lý vốn Quỹ, tài sản, điều hành hoạt động Quỹ, thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định của nhà nước và Quy chế này. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo;

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội giao.

**Điều 5. Quyền hạn của Quỹ**

1. Tổ chức lựa chọn các dự án, phương án cho vay để đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông, lâm, thủy sản; cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản và ngành nghề nông thôn theo đúng mục đích hoạt động của Quỹ;

2. Yêu cầu bên vay cung cấp các thông tin liên quan về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính, tín dụng phục vụ cho việc thẩm định hồ sơ vay vốn;

3. Lựa chọn tài sản thế chấp hoặc lựa chọn các tổ chức, cá nhân khác bảo lãnh bằng tài sản; Chấp thuận hoặc từ chối cho vay nếu xét thấy việc sử dụng vốn không có hiệu quả, rủi ro cao, khó có khả năng thu hồi vốn;

4. Đình chỉ việc cho vay hoặc thu hồi vốn trước thời hạn, phát mại tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ, khởi kiện ra tòa theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn vi phạm các cam kết, hợp đồng với Quỹ; vi phạm các quy định của nhà nước hoặc bị thua lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khó có khả năng trả nợ vốn;

5. Tổ chức nghiên cứu, học tập, khảo sát các mô hình trong và ngoài nước phục vụ cho hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

**Chương III**

**CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG**

**Mục I. CƠ CẤU TỔ CHỨC**

**Điều 6: Cơ cấu tổ chức**

Cơ cấu tổ chức của Quỹ bao gồm:

1. Hội đồng quản lý gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên.

2. Hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên.

3. Ban điều hành gồm: Giám đốc, Phó giám đốc và bộ phận giúp việc.

**Mục II. QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG**

**A. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**

**Điều 7. Hội đồng quản lý**

1. Hội đồng quản lý do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập; quyết định chủ trương, phương hướng và các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Quỹ. Thành phần Hội đồng quản lý có từ 5-7 người gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý do một Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội kiêm nhiệm;

- Phó Chủ tịch Hội đồng (kiêm Giám đốc Quỹ) do Giám đốc Trung tâm Khuyến nông kiêm nhiệm;

- Các ủy viên là đại diện Sở Tài chính, đại diện các phòng chức năng có liên quan của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Việc kiện toàn, thay đổi số lượng, thành phần, cơ cấu, khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên của Hội đồng quản lý do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;

3. Trong quá trình hoạt động của Hội đồng quản lý, nếu thành viên của Hội đồng quản lý chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc vì lý do không tham gia Hội đồng quản lý thì Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ quyết định bổ sung để đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản lý theo quy định.

**Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý**

1. Hội đồng Quản lý có nhiệm vụ quản lý Quỹ theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển nguồn vốn do Ủy ban nhân dân Thành phố cấp lần đầu khi thành lập Quỹ và được cấp bổ sung hàng năm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố; Nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Nguồn vốn kết dư của Quỹ năm trước chuyển sang; Nguồn trích từ phí quản lý Quỹ theo quy định; Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc xóa nợ toàn bộ hoặc một phần vốn vay cho người vay vốn theo đề nghị của Giám đốc Quỹ; xem xét quyết định xóa toàn bộ hoặc một phần phí quản lý cho người vay vốn theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

4. Kiểm tra, giám sát bộ máy quản lý, điều hành nghiệp vụ của Quỹ về việc chấp hành pháp luật, Quy chế về quản lý và hoạt động Quỹ;

5. Xem xét, thông qua phương hướng, kế hoạch hoạt động, huy động vốn, kế hoạch cho vay, thu hồi vốn Quỹ hàng năm và 05 năm;

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý**

1. Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể. Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố và pháp luật. Mỗi thành viên Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý họp định kỳ 02 lần/ năm để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm theo quy định tại Quy chế này. Hội đồng quản lý có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết. Cuộc họp của Hội đồng quản lý được tổ chức dưới hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

3. Chủ tịch Hội đồng quản lý triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản lý. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản lý uỷ quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý triệu tập và chủ trì cuộc họp;

Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền có trách nhiệm gửi thông báo mời họp bằng văn bản chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp đến từng Thành viên Hội đồng quản lý. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và dự thảo quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp.

4. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản lý tham dự;

5. Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết( bằng hình thức giơ tay). Quyết định, biên bản của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết tán thành. Trường hợp biểu quyết bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp.

6. Các nội dung của cuộc họp Hội đồng quản lý phải được thể hiện đầy đủ trong biên bản cuộc họp, được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận và được gửi tất cả thành viên của Hội đồng quản lý, giao Giám đốc Quỹ hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

7. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý, kể cả tiền phụ cấp cho Thành viên Hội đồng quản lý và bộ phận giúp việc Hội đồng quản lý được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ và theo quy định hiện hành của Nhà nước.

8. Nhiệm vụ của các Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch hội đồng quản lý Quỹ phân công.

9. Thành viên Hội đồng quản lý bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Bị Toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhiệm công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không trung thực trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc người khác; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

d) Vi phạm quy định của pháp luật và Quy chế này.

10. Thành viên Hội đồng quản lý được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Xin từ chức;

b) Khi có quyết định nghỉ hưu, điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

c) Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;

d) Không đảm bảo sức khoẻ đảm nhận công việc;

**B. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

**Điều 10. Hội đồng thẩm định**

1. Hội đồng thẩm định giúp Hội đồng quản lý tổ chức thực hiện và quản lý điều hành hoạt động Quỹ theo quy định tại Quy chế này.

2. Hội đồng thẩm định có từ 05- 07 thành viên, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng thẩm định là 01 Phó giám đốc Trung tâm Khuyến nông kiêm nhiệm;

- Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định là Trưởng phòng Quản lý Quỹ khuyến nông Thành phố thuộc Trung tâm Khuyến nông kiêm nhiệm.

- Thành viên Hội đồng thẩm định là Trưởng hoặc phó các phòng chuyên môn; Trưởng, phó phòng Kế hoạch - Tài vụ và phó phòng Quản lý Quỹ Khuyến nông thành phố của Trung tâm khuyến nông kiêm nhiệm.

3. Hội đồng thẩm định hoạt động không giới hạn thời gian; Việc kiện toàn, thay đổi số lượng, thành phần, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên của Hội đồng thẩm định do Giám đốc Quỹ quyết định hoặc trình cấp trên quyết định;

**Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thẩm định**

1. Hội đồng thẩm định hoạt động theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt các dự án, phương án vay vốn theo đúng trình tự, mục đích, quy định của Quỹ trình Giám đốc Quỹ quyết định mức vốn vay, thời gian vay và ký hợp đồng vay vốn.

3. Xem xét việc gia hạn nợ cho người vay vốn và thu hồi vốn vay trước thời hạn đối với các dự án, phương án sử dụng vốn không đúng mục đích theo đề nghị của Trưởng Tiểu ban quản lý Quỹ; Trình Giám đốc Quỹ quyết định.

4. Kiểm tra, giám sát hoạt động của các bộ phận giúp việc và Tiểu ban quản lý Quỹ về việc chấp hành pháp luật, Quy chế về quản lý và hoạt động Quỹ; chỉ đạo việc ban hành, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trình tự, thủ tục vay vốn cho phù hợp, hiệu quả; kiểm tra, giám sát các dự án, phương án vay vốn Quỹ trong quá trình sử dụng vốn vay;

5. Xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động, huy động vốn, kế hoạch cho vay, thu hồi vốn Quỹ hàng năm;

6. Thực hiện quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, các quy định về hoạt động nghiệp vụ khác của Quỹ;

7. Chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động của các dự án, phương án vay vốn Quỹ.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Quỹ và Hội đồng quản lý giao và theo quy định của pháp luật.

**Điều 12. Chế độ làm việc của Hội đồng thẩm định**

1. Hội đồng thẩm định làm việc theo chế độ tập thể đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý và quy định của pháp luật. Mỗi thành viên Hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định và họp trên cơ sở đề xuất của phòng Quản lý Quỹ Khuyến nông thành phố khi có hồ sơ phương án, dự án xin vay vốn; hồ sơ xin gia hạn trả nợ, hồ sơ xin xóa nợ vốn vay, hồ sơ xóa phí quản lý Quỹ. Hội đồng thẩm định có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề phát sinh trong trường hợp cần thiết xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm theo quy định tại Quy chế này.

3. Chủ tịch Hội đồng thẩm định triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng thẩm định. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng thẩm định uỷ quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định triệu tập và chủ trì cuộc họp;

4. Các cuộc họp của Hội đồng thẩm định phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự;

5. Hội đồng thẩm định quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết( bằng hình thức giơ tay). Biên bản của Hội đồng thẩm định có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thẩm định biểu quyết tán thành. Trường hợp biểu quyết bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoặc người chủ trì cuộc họp.

6. Các nội dung của cuộc họp Hội đồng thẩm định phải được thể hiện đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng thẩm định. Các kết luận của Hội đồng thẩm định được thể hiện bằng văn bản; và được gửi báo cáo đến Giám đốc Quỹ và Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Chi phí hoạt động của Hội đồng thẩm định, kể cả tiền phụ cấp cho các Thành viên Hội đồng thẩm định được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ theo quy định của Quy chế này và theo quy định hiện hành của Nhà nước.

8. Nhiệm vụ của các Thành viên do Chủ tịch Hội đồng thẩm định phân công.

9. Thành viên Hội đồng thẩm định bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Bị Toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhiệm công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;

c) Không trung thực trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc người khác;

d) Vi phạm quy định của pháp luật và Quy chế này.

10. Thành viên Hội đồng thẩm định được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Xin từ chức;

b) Khi có quyết định nghỉ hưu, điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

c) Không đảm bảo sức khoẻ đảm nhận công việc;

**C. BAN ĐIỀU HÀNH**

**Điều 13. Giám đốc Quỹ**

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ Khuyến nông thành phố Hà Nội, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng quản lý, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Nhiệm vụ

- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố; Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Hội đồng quản lý Quỹ.

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nông nghiệp và PTNT, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về mọi hoạt động của Quỹ;

- Quyết định và ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động Quỹ;

- Căn cứ đề nghị của Hội đồng thẩm định, xem xét, quyết định và ký hợp đồng cho vay vốn đối với các dự án, phương án được phê duyệt.

- Tham mưu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Quỹ cho phù hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp có thẩm quyền khi được yêu cầu và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

- Báo cáo kịp thời lên Hội đồng quản lý Quỹ và tham mưu, đề xuất các biện pháp xử lý nếu thấy tổ chức, cá nhân vay vốn có dấu hiệu vi phạm pháp luật và Quy chế quản lý Quỹ.

- Ban hành quy định quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, các quy định về hoạt động nghiệp vụ khác của Quỹ;

b) Quyền hạn của Giám đốc Quỹ

- Ký hợp đồng lao động đối với các lao động hợp đồng Quỹ sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của pháp luật;

- Sắp xếp, bố trí viên chức của Trung tâm làm công tác kiêm nhiệm; lao động hợp đồng Quỹ để tổ chức hoạt động Quỹ có hiệu quả;

- Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của Quy chế này và quy định của Pháp luật;

- Đại diện pháp nhân của quỹ trước pháp luật khi có các tranh chấp liên quan đến hoạt động Quỹ; đại diện Quỹ thực hiện các giao dịch liên quan đến hoạt động của Quỹ;

- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; Tiểu ban quản lý Quỹ;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội và Hội đồng quản lý Quỹ giao.

- Đề xuất và trình Hội đồng quản lý đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản lý theo quy định tại Điều 8 quy chế này.

- Ủy quyền cho Phó giám đốc Quỹ, ký thay các văn bản và điều hành hoạt động Quỹ khi vắng mặt.

**Điều 14. Phó Giám đốc Quỹ**

Phó Giám đốc Quỹ là phó giám đốc Trung tâm Khuyến nông kiêm nhiệm; Có nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc Quỹ trong việc điều hành Quỹ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Giám đốc Quỹ giao phù hợp với Quy chế này; Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

**Điều 15. Bộ phận giúp việc**

1. Bộ phận giúp việc do Giám đốc Quỹ quyết định, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao và không trái với các quy định khác của pháp luật.

a) Các phòng, bộ phận giúp việc là các Phòng, Trạm trực thuộc Trung tâm Khuyến nông; Có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý, Hội đồng thẩm định và Giám đốc Quỹ giao.

b) Tiểu ban Quản lý Quỹ (Tiểu ban Quỹ):

b.1) Tiểu ban Quỹ

Giám đốc Quỹ quyết định thành lập, gồm 03- 04 người:( Trường hợp Tiểu ban Quỹ phụ trách địa bàn rộng hoặc có số người vay vốn nhiều, quản lý số vốn lớn, bố trí 02 hợp đồng chuyên quản Quỹ).

- Trưởng Tiểu ban Quỹ là đồng chí Trạm trưởng Trạm Khuyến nông hoặc Lãnh đạo các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

- 01 người cán bộ kỹ thuật là lãnh đạo Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện hoặc viên chức Trạm Khuyến nông.

- 01- 02 người là lao động hợp đồng chuyên quản của Quỹ.

b.2) Trách nhiệm, quyền hạn của Tiểu ban Quỹ:

- Thẩm định các dự án, phương án vay vốn Quỹ: theo điều 25 của quy chế này.

- Sau khi thẩm định, tổng hợp Hồ sơ các dự án, phương án đảm bảo đầy đủ yêu cầu, trình tự, đảm bảo quy định gửi về phòng Quản lý Quỹ Khuyến nông rà soát, tổng hợp trình Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định.

- Quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động, đôn đốc thu hồi vốn vay, phí quản lý Quỹ của các hộ vay vốn trên địa bàn quản lý.

2. Giám đốc Quỹ quyết định việc sử dụng viên chức, người lao động làm việc tại các phòng, đơn vị trực thộc Trung tâm Khuyến nông kiêm nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ theo quy định.

Việc điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, thôi việc, nghỉ hưu, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật viên chức, người lao động hoạt động tại Quỹ được thực hiện theo quy định hiện hành của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 16. Tuyển dụng, sử dụng lao động**

Quỹ khuyến nông thành phố hoạt động trên cơ sở sử dụng biên chế được giao hàng năm và đề án vị trí việc làm của Trung tâm khuyến nông Hà Nội đã được phê duyệt. Để bảo đảm hiệu quả Quỹ được phép tuyển dụng và sử dụng lao động hợp đồng phục vụ hoạt động Quỹ sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của pháp luật.

**Mục III. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH**

**Điều 17. Chế độ đối với viên chức, lao động hợp đồng và người được cử kiêm nhiệm**

1. Viên chức, lao động hợp đồng của Quỹ được hưởng lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác theo quy định hiện hành đối với đơn vị sự nghiệp của nhà nước.

2. Các cán bộ, viên chức làm việc theo chế độ kiêm nhiệm thì được hưởng chế độ hàng tháng và được chi từ nguồn thu phí quản lý Quỹ được trích lại chi cho hoạt động của Quỹ như sau:

a) Hội đồng quản lý Quỹ

- Chủ tịch Hội đồng hưởng mức bồi dưỡng tính bằng 0,8 mức tiền lương cơ sở/tháng;

- Phó Chủ tịch Hội đồng hưởng mức bồi dưỡng tính bằng 0,7 mức tiền lương cơ sở/tháng;

- Các Thành viên khác hưởng mức bồi dưỡng tính bằng 0,6 mức tiền lương cơ sở/tháng.

b) Hội đồng thẩm định

- Chủ tịch hội đồng hưởng mức bồi dưỡng tính bằng 0,6 mức tiền lương cơ sở/tháng;

- Phó Chủ tịch hội đồng hưởng mức bồi dưỡng tính bằng 0,5 mức tiền lương cơ sở/tháng;

- Các thành viên khác hưởng mức bồi dưỡng tính bằng 0,4 mức tiền lương cơ sở/tháng;

c) Cán bộ kiêm nhiệm của các phòng, bộ phận giúp việc cho Quỹ hưởng mức bồi dưỡng tính bằng 0,4 mức tiền lương cơ sở/tháng.

d) Các thành viên Tiểu ban quản lý Quỹ hưởng mức bồi dưỡng tính bằng 0,4 mức tiền lương cơ sở/tháng;

e) Chế độ đối với lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có phương án vay vốn Quỹ khuyến nông tham gia công tác thẩm định, giải ngân và đôn đốc thu hồi vốn, phí quản lý: được hưởng bồi dưỡng tối đa không quá 0,1 mức tiền lương cơ sở/dự án, phương án sau khi giải ngân.

Mức tiền lương cơ sở được áp dụng theo quy định hiện hành đến khi có thay đổi sẽ được thực hiện theo quy định mới.

**Chương IV**

**NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG**

**Điều 18**. **Nguồn vốn hình thành Quỹ Khuyến nông**

1. Nguồn vốn ngân sách Thành phố: Vốn ngân sách Thành phố cấp lần đầu để thành lập Quỹ và được cấp bổ sung theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố;

2. Nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

3. Nguồn vốn kết dư của Quỹ năm trước chuyển sang;

4. Nguồn trích từ phí quản lý Quỹ theo quy định;

5. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 19: Nguyên tắc sử dụng vốn:**

1. Nguồn vốn của Quỹ được sử dụng theo phương thức cho vay có hoàn trả (có kỳ hạn, có hạn mức), không thu lãi nhưng có thu phí quản lý.

2. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính; bảo toàn và phát triển vốn.

3. Sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả.

4. Thu hồi kịp thời vốn gốc và phí để bảo toàn vốn và bù đắp chi phí quản lý.

5. Đáp ứng yêu cầu giải ngân, thanh toán thường xuyên của Quỹ.

**Điều 20: Đầu tư, mua sắm tài sản**

Quỹ được đầu tư, mua sắm tài sản cố định và các tài sản khác phục vụ hoạt động Quỹ.

Trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa tài sản và trang thiết bị, phương tiện và quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

**Điều 21. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản**

1. Quỹ phải thực hiện kiểm kê, đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

a) Kiểm kê tài sản hàng năm.

b) Kiểm kê, đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

c) Thu hồi tài sản thế chấp khi người vay vốn không trả được nợ;

d) Thanh lý, nhượng bán tài sản;

Việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định hiện hành. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản (trừ khoản thu hồi tài sản thế chấp, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ khi người vay vốn không trả được nợ) được hạch toán tăng hoặc giảm vốn của Quỹ theo quy định.

2. Đối với các trường hợp tổn thất về tài sản, Quỹ phải xác định rõ nguyên nhân và xử lý:

a) Nếu tài sản bị tổn thất do lỗi của tập thể và cá nhân thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

b) Nếu tài sản đã mua bảo hiểm theo pháp luật thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm;

c) Sau khi thực hiện các biện pháp ở điểm a và b nêu trên, nếu không đủ thì phần còn thiếu được đưa vào chi phí của Quỹ.

3. Việc trích lập và sử dụng khấu hao tài sản cố định của Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Quỹ được thanh lý, nhượng bán những tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi, tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả.

a) Khi thanh lý tài sản Quỹ phải định giá tài sản và tổ chức bán tài sản công theo quy định của pháp luật.

b) Chênh lệch giữa số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán và chi phí thanh lý, nhượng bán (nếu có) được hạch toán vào thu nhập của Quỹ. Trường hợp số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản thấp hơn giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán và chi phí thanh lý, nhượng bán (nếu có) thì phần chênh lệch được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ.

**Điều 22. Đối tượng vay vốn**

Đối tượng được vay vốn quỹ (gọi tắt là người vay vốn) là các hộ nông dân, chủ trang trại, các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản; cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản và ngành nghề nông thôn khác trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 23. Điều kiện vay vốn**

1. Người vay vốn phải bảo đảm các điều kiện sau

a) Thuộc đối tượng quy định tại Điều 22 Quy chế này;

b) Người vay vốn phải có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh khả thi về lĩnh vực sử dụng nguồn vốn vay Quỹ và có khả năng hoàn trả vốn vay. Trong kỳ sản xuất kinh doanh của dự án, phương án người vay vốn chỉ được vay Quỹ 01 lần. Trường hợp xin vay lần sau thì phải có dự án, phương án khả thi có quy mô sản xuất mở rộng so với dự án, phương án vay vốn lần vay vốn trước hoặc thay đổi dự án, phương án vay vốn được hội đồng thẩm định phê duyệt;

c) Có kinh nghiệm hoạt động tổ chức sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực quy định tại Điều 22 Quy chế này từ 01 năm trở lên; có địa điểm sản xuất, kinh doanh, nơi thường trú, trụ sở chính tại Hà Nội; không có nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng, không có các khoản nợ đọng thuế 02 năm liền kề tại thời điểm xin vay vốn; có cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động để thực hiện sản xuất, kinh doanh, đảm bảo dự án, phương án sản xuất, kinh doanh có hiệu quả; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước;

d) Người vay vốn phải có nguồn vốn chủ sở hữu, có tài sản đảm bảo tiền vay. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người vay hoặc tài sản được người khác bảo lãnh có nguồn gốc hợp pháp, rõ ràng, không có tranh chấp, đảm bảo các quy định bắt buộc đối với tài sản thế chấp. Số tiền được vay tối đa bằng 70% giá trị tài sản đảm bảo tiền vay.

Quỹ có quyền lựa chọn tài sản đủ điều kiện làm bảo đảm tiền vay (tài sản cầm cố, tài sản thế chấp) hoặc lựa chọn người khác bảo lãnh bằng tài sản.

2. Hồ sơ vay vốn.

a) Đơn xin vay vốn được Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú xác nhận;

Trong đơn xin vay vốn, người vay vốn phải cam kết tuân thủ theo đúng quy trình kỹ thuật, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra của Trung tâm; cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả, nộp phí quản lý quỹ và hoàn trả vốn vay đầy đủ, đúng thời hạn.

b) Dự án, phương án sản xuất kinh doanh có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã và Trưởng tiểu ban quản lý Quỹ nơi thực hiện dự án, phương án;

c) Đơn xin thế chấp tài sản hoặc giấy ủy quyền thế chấp tài sản, có sự đồng ý của những người có quyền lợi liên quan đến tài sản dùng thế chấp bảo đảm tiền vay;

**Điều 24. Bảo đảm tiền vay**

Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng hình thức thế chấp, cầm cố thuộc sở hữu hợp pháp của người vay vốn hoặc bảo lãnh bằng tài sản hợp pháp của bên thứ ba. Tài sản bảo đảm tiền vay phải thuộc địa bàn thành phố Hà Nội; Đối với tài sản mà pháp luật quy định phải mua bảo hiểm thì người vay vốn phải mua bảo hiểm tài sản trong thời hạn bảo đảm tiền vay.

Sau khi ký Hợp đồng vay vốn người vay vốn phải hoàn thiện thủ tục đăng ký thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay.

Người vay vốn phải bàn giao cho Quỹ giữ các giấy tờ gốc liên quan đến tài sản thế chấp trong thời gian vay vốn.

**Điều 25. Nội dung thẩm định dự án, phương án vay vốn**

Việc thẩm định dự án, phương án vay vốn được thực hiện qua 02 bước: thẩm định của Tiểu ban quản lý Quỹ và Hội đồng thẩm định, cụ thể:

1. Nội dung thẩm định của Tiểu ban quản lý Quỹ

- Thẩm định tính hợp pháp của Hồ sơ vay vốn; thẩm định nội dung dự án, phương án đầu tư và quy trình kỹ thuật sản xuất kinh doanh chuyên ngành;

- Thẩm định điều kiện cơ sở vật chất thực tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh để thực hiện dự án, phương án;

- Thẩm định tài sản đảm bảo tiền vay: Đánh giá tính hợp pháp, giá trị và khả năng quản lý, chuyển nhượng của tài sản đảm bảo;

- Thẩm định mục đích sử dụng vốn vay, mức vốn xin vay, thời gian đề nghị cho vay phù hợp với Quy chế của Quỹ;

- Thẩm định năng lực của người vay vốn: Đánh giá uy tín, kinh nghiệm tổ chức sản xuất, kinh doanh và khả năng triển khai dự án, phương án;

Sau khi tổ chức thẩm định, hồ sơ chuyển về phòng Quản lý Quỹ Khuyến nông thành phố để rà soát, tổng hợp trình Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định và báo cáo Giám đốc phê duyệt.

1. Nội dung thẩm định của Hội đồng thẩm định

- Thẩm định Hồ sơ vay vốn, tài sản bảo đảm tiền vay;

- Thẩm định về hiệu quả sản xuất kinh doanh và tính khả thi của dự án, phương án;

- Thẩm định về phương án tài chính của dự án, phương án;

- Thẩm định mức vốn vay, thời gian vay phù hợp với quy chế của Quỹ.

Căn cứ Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định, trình Giám đốc Quỹ phê duyệt và ký hợp đồng vay vốn với người vay vốn.

**Điều 26. Mức vốn cho vay, thời hạn vay và trả nợ vay**

1. Mức vốn cho vay.

Mức vốn cho vay tối đa đối với từng dự án, phương án được xác định trên cơ sở nhu cầu, giá trị bảo đảm tiền vay, khả năng hoàn trả nợ và mức độ đầu tư các dự án, phương án của người vay vốn; mức cho vay cụ thể do Hội đồng thẩm định và Giám đốc Quỹ xem xét quyết định theo thẩm quyền nhưng không quá 01 tỷ đồng/ dự án, phương án;

a) Vay vốn để phát triển sản xuất: Tối đa bằng 50% tổng số vốn lưu động của dự án, phương án. Vốn vay được sử dụng vào việc mua giống, thức ăn, thuốc thú y, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư kỹ thuật khác cho dự án, phương án.

b) Vay vốn để đầu tư, phát triển cơ giới hóa: Tối đa 100% giá trị máy, thiết bị.

2. Thời hạn vay.

**-** Thời hạn vay cho một dự án, phương án được căn cứ vào: mục đích sử dụng vốn vay; chu kỳ sản xuất, kinh doanh; khả năng tài chính của người vay.

**-** Thời hạn vay được tính kể từ ngày người vay vốn nhận khoản vay đầu tiên đến ngày phải trả hết nợ gốc và phí đã được thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn ký giữa Quỹ khuyến nông và người vay vốn.

- Thời hạn vay tối đa cho 01 dự án, phương án là 03năm(36 tháng).

3. Nghĩa vụ và thời hạn trả nợ vay.

- Nghĩa vụ trả nợ của người vay bao gồm tiền vay(nợ gốc), phí quản lý Quỹ, phí quá hạn (nếu có) được ghi trong Hợp đồng vay vốn.

- Thời hạn trả nợ vay được tính từ ngày người vay vốn bắt đầu trả nợ vay cho đến ngày trả hết nợ vay theo Hợp đồng đã ký kết.

a) Trả nợ phí quản lý:

- Quỹ được thu phí quản lý trên số vốn vay với mức 0,4%/tháng.

- Người vay vốn phải trả phí quản lý Quỹ 6 tháng/lần, trong vòng 10 ngày của tháng đầu tiên của kỳ trả phí tiếp theo. Người vay vốn có thể trả phí quản lý Quỹ trước thời hạn.

- Trường hợp người vay trả nợ gốc trước hạn thì số phí phải trả chỉ tính từ ngày nhận tiền vay đến ngày trả nợ gốc.

- Quá thời hạn trả phí theo quy định trong hợp đồng nếu người vay vốn không trả phí quản lý thì phí quản lý quá hạn bằng 130% phí quản lý Quỹ kể từ ngày quá hạn.

b) Trả nợ gốc:

- Đối với các khoản vay dưới 300 triệu đồng, trả nợ gốc 01 lần khi hết thời hạn vay.

- Đối với các khoản vay từ 300 triệu đồng trở lên, trả nợ gốc theo kỳ hạn, tối đa 12 tháng/kỳ;

Hết thời hạn vay vốn, người vay vốn phải trả toàn bộ tiền vay trong vòng 10 ngày; có thể trả nợ gốc trước hạn một lần hoặc nhiều lần. Đối với những khoản tiền vay không trả nợ đúng hạn mà không được gia hạn thì người vay vốn phải chịu phí quá hạn bằng 130% phí quản lý Quỹ kể từ ngày quá hạn. Nếu nợ quá hạn và có biểu hiện chây ỳ, cố tình chiếm dụng vốn thì sẽ phải chịu xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu người vay vốn không thực hiện đúng theo dự án, phương án và hợp đồng vay vốn đã ký kết sẽ bị thu hồi vốn vay trước thời hạn.

**Điều 27. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro**

1. Đối với những dự án, phương án gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, tai nạn hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng khác), dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn vay thì được xem xét, xử lý rủi ro theo các hình thức: gia hạn nợ, xóa nợ (bao gồm cả nợ gốc và phí quản lý).

2. Việc gia hạn nợ:

a) Gia hạn nợ là việc cho phép người vay vốn được kéo dài thời gian trả nợ đã ghi trong hợp đồng vay vốn. Trong thời gian được gia hạn, người vay vốn không phải trả phí quản lý Quỹ.

b) Điều kiện gia hạn nợ: Người vay vốn được xem xét gia hạn nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Người vay vốn được xác nhận gặp rủi ro do một trong các nguyên nhân quy định tại mục 1 Điều 27.

- Có đơn xin gia hạn nợ và cam kết việc trả nợ.

c) Thời gian gia hạn nợ được tính từ ngày đến hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay.

Hội đồng thẩm định xem xét, báo cáo Giám đốc Quỹ quyết định thời gian gia hạn nợ, nhưng tối đa không quá 01 năm (12 tháng). Trong thời gian vay vốn, người vay vốn chỉ được gia hạn thời gian trả nợ 01 lần;

Hết thời hạn được gia hạn nợ nếu người vay vốn không trả hết nợ thì chuyển toàn bộ số dư sang nợ quá hạn và có thể chuyển hồ sơ vay vốn sang xử lý theo quy định của Pháp luật.

3. Việc xóa nợ:

Hình thức xóa nợ chỉ áp dụng cho các trường hợp quy định tại mục 1 Điều 27 của Quy chế này.

a) Việc xóa nợ toàn bộ hoặc một phần phí quản lý do Hội đồng quản lý xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

b) Việc xóa nợ toàn bộ hoặc một phần vốn vay do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý và chỉ thực hiện khi người vay vốn không còn khả năng trả nợ sau khi đã tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

**Điều 28. Nguyên tắc tính và công tác quản lý, sử dụng phí quản lý Quỹ**

1.Nguyên tắc tính.

Phí quản lý Quỹ = Tổng số tiền vay x 0,4%/tháng x số tháng vay.

1. Sử dụng phí quản lý Quỹ.

Khoản thu phí quản lý Quỹ được coi là 100% ( bao gồm cả phí quản lý trong hạn và quá hạn) và được phân bổ để sử dụng như sau:

a) Trích 60% chi cho công tác quản lý Quỹ, gồm các nội dung sau:

Chi cho công tác quản lý Quỹ là các khoản chi cần thiết cho hoạt động của Quỹ, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Mức chi, đối tượng chi được thực hiện theo quy định của pháp luật. Các khoản chi phải nằm trong dự toán thu - chi hàng năm được Sở Nông nghiệp & PTNT phê duyệt, bao gồm:

\* Chi hoạt động nghiệp vụ:

- Chi hướng dẫn xây dựng, xét duyệt, thẩm định phương án, dự án; công tác kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc, thu hồi nợ, xử lý nợ trong quá trình thực hiện dự án, phương án vay;

\* Chi cho cán bộ, viên chức, người lao động hoạt động tại Quỹ:

- Chi trả tiền lương, tiền công, bồi dưỡng và các khoản phúc lợi khác cho lao động hợp đồng, các thành viên Hội đồng quản lý; Hội đồng thẩm định; cán bộ các phòng, bộ phận giúp việc; các Tiểu ban tham gia công tác quản lý Quỹ.

- Chi trang phục giao dịch, phương tiện, bảo hộ lao động theo quy định;

\* Chi khấu hao tài sản cố định;

\* Chi cho hoạt động quản lý và công vụ:

- Chi công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; dịch vụ điện nước, cước phí Bưu điện, xăng dầu, vệ sinh môi trường...

- Chi phí thuê mướn: thuê phương tiện vận chuyển, thiết bị, dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn và phục vụ cán bộ đi công tác, đi làm nhiệm vụ;

- Chi phí họp báo, hội nghị, hội thảo, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tập huấn kỹ thuật.

- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và định kỳ tài sản, thiết bị, công cụ lao động, vật tư văn phòng, phương tiện làm việc phục vụ công tác quản lý, điều hành Quỹ.

- Chi đi nghiên cứu, học tập, khảo sát các mô hình, dự án sản xuất tiên tiến trong và ngoài nước theo quy định của nhà nước.

\* Chi phí quản lý khác theo quy định.

\* Các khoản chi bất thường:

- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa;

- Chi chênh lệch do đánh giá lại tài sản thế chấp khi người vay vốn không trả được nợ, tài sản được hình thành từ vốn vay của Quỹ;

b) Trích 9% để tạo Quỹ dự phòng:

- Hỗ trợ giảm, xóa nợ gốc hoặc phí quản lý đối với các dự án, phương án gặp rủi ro quy định tại mục 1 Điều 27 của Quy chế này.

- Trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm theo quy định của Nhà nước:

Số dư nguồn Quỹ dự phòng kết dư từ các năm được duy trì 05 tỷ đồng, vượt quá mức trên thì số vượt được bổ sung vào nguồn vốn Quỹ.

c) Trích 1% dùng làm Quỹ khen thưởng:

- Khen thưởng thường kỳ hoặc đột xuất các tổ chức, đoàn thể, cá nhân có nhiều đóng góp đối với hoạt động Quỹ. Trình tự xét khen thưởng và mức chi khen thưởng thực hiện theo Quy định về thi đua khen thưởng hiện hành của Nhà nước;

- Số dư quỹ khen thưởng kết dư từ các năm được duy trì 500 triệu đồng, vượt quá mức trên thì số vượt được bổ sung vào nguồn vốn Quỹ.

- Sau khi quyết toán các khoản chi trong năm theo dự toán thu - chi đã phê duyệt, phí quản lý còn dư sẽ được chuyển sang chi năm sau.

d) Trích 30% bổ sung nguồn vốn Quỹ.

**Chương V**

**CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, BÁO CÁO**

**Điều 29. Chế độ tài chính, kế toán**

1. Năm tài chính của quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Quỹ hoạt động theo cơ chế tài chính như đơn vị sự nghiệp công lập áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

3. Hàng năm, căn cứ vào nguồn vốn Quỹ và nhu cầu của người vay vốn, Quỹ xây dựng kế hoạch hoạt động và dự toán thu - chi Quỹ, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính thẩm tra, phê duyệt. Việc lập và thực hiện dự toán thu - chi phí quản lý Quỹ căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước, thành phố Hà Nội và Quy chế này.

4. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt báo cáo quyết toán Quỹ gửi Sở Tài chính thẩm tra, phê duyệt.

5. Mọi khoản thu, chi của Quỹ phải có chứng từ hợp pháp, hợp lệ và đúng dự toán được duyệt. Bộ phận kế toán Quỹ phải mở sổ kế toán để ghi chép, theo dõi, hạch toán kế toán các khoản thu, chi của Quỹ. Trường hợp điều chỉnh nội dung chi tiêu trong phạm vi dự toán được duyệt, Trung tâm Khuyến nông phải có văn bản đề nghị điều chỉnh gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính xem xét phê duyệt. Mọi trường hợp chi tiêu ngoài dự toán đều phải thu hồi hoặc xuất toán theo quy định.

**Điều 30: Chế độ báo cáo**

Định kỳ 6 tháng, cả năm Quỹ lập báo cáo quyết toán thu - chi Quỹ; Báo cáo tình hình hoạt động cho vay, thu hồi vốn, phí quản lý theo kế hoạch được duyệt; báo cáo quyết toán và chịu trách nhiệm về nội dung gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính theo quy định hiện hành.

**Chương VI**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 31**. **Trách nhiệm của Sở, ngành thuộc Thành phố và Trung tâm Khuyến nông Hà Nội**

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ chuyên môn của Quỹ; Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ;

- Chủ trì, phê duyệt dự toán, quyết toán thu - chi Quỹ hàng năm;

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, định kỳ hoặc đột xuất hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

- Tham gia Hội đồng quản lý Quỹ;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thẩm tra kế hoạch hoạt động, dự toán thu - chi hàng năm của Quỹ; Thẩm định quyết toán năm của Quỹ; Tham gia công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động Quỹ theo quy định của pháp luật;

3. Trách nhiệm của Kho bạc nhà nước Thành phố

Thực hiện kiểm soát các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định hiện hành.

4. Trách nhiệm của Trung tâm Khuyến nông Hà Nội.

- Chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng Quỹ hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn Quỹ trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn vay theo dự án, phương án vay vốn được duyệt, bảo đảm vốn vay được sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng.

- Cử cán bộ kiêm nhiệm tham gia công tác quản lý Quỹ: Hội đồng quản lý, Hội đồng thẩm định, Tiểu ban Quản lý Quỹ.

- Quản lý hồ sơ vay vốn, tài sản thế chấp an toàn đúng quy định hiện hành về lưu trữ.

- Quản lý và sử dụng tài sản, phương tiện được trang bị phục vụ cho hoạt động của Quỹ đảm bảo hiệu quả, an toàn và tiết kiệm.

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động và dự toán Thu - chi của Quỹ, lập báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu về tình hình hoạt động của Quỹ. Lập báo cáo quyết toán năm gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để thẩm tra, phê duyệt theo quy định.

**Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã**

1. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp huyện

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan tổ chức, thực hiện Quy chế của Quỹ Khuyến nông thành phố Hà Nội đảm bảo hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện:

+ Cử cán bộ lãnh đạo kiêm nhiệm tham gia Tiểu ban quản lý Quỹ;

+ Phối hợp với Quỹ để tổ chức tiếp nhận hồ sơ vay vốn, thẩm định, quản lý, đôn đốc thu hồi vốn, phí quản lý Quỹ.

- Chỉ đạo các phòng, ban của huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp tuyên truyền về Quỹ Khuyến nông.

- Chỉ đạo Uỷ ban nhân dân cấp xã phối hợp với Quỹ trong công tác thẩm định cho vay và đôn đốc thu hồi vốn, phí quản lý Quỹ.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Phối hợp với Quỹ Khuyến nông:

- Khảo sát, lựa chọn và xác nhận những hộ có đủ điều kiện cơ sở vật chất, có kinh nghiệm sản xuất, có uy tín;

- Tuyên truyền về nguồn vốn Quỹ ; Đôn đốc thu hồi vốn vay, phí quản lý của người vay vốn trên địa bàn.

**Điều 33. Trách nhiệm của người vay vốn**

- Lập dự án, phương án vay vốn Quỹ theo quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác liên quan; báo cáo đầy đủ, trung thực tình hình sản xuất, kinh doanh;

- Cung cấp, giải trình với cơ quan có thẩm quyền các thông tin liên quan đến việc vay, sử dụng vốn vay khi có yêu cầu.

- Sử dụng vốn vay có hiệu quả và đúng mục đích, hoàn trả vốn vay và phí quản lý cho Quỹ đúng thời hạn.

**Điều 34. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Hà Nội chịu trách nhiệm phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH** |